

Số: /MYH26/VHU/TB/HĐTS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

*Điểm trúng tuyển đại học chính quy đợt 1 năm 2026
theo kết quả thi tốt nghiệp năm 2026, kết quả học tập cấp THPT (học bạ)
và điểm thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Tp. HCM*

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Văn Hiến thông báo điểm trúng tuyển đại học chính quy năm 2026 theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026, kết quả học bạ THPT và điểm thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Tp. HCM như sau:

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Theo KQ Thi TN THPT	Theo KQ học bạ	Theo KQ ĐGNL ĐH QG TP. HCM
1.	Ngôn ngữ Anh - Tiếng Anh thương mại - Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh - Tiếng Anh biên - phiên dịch - Tiếng Anh quan hệ quốc tế	7220201	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15.0	18.0	600
			C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D11	Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Anh			
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh			
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
2.	Ngôn ngữ Pháp - Tiếng Pháp thương mại	7220203	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15.0	18.0	600
			C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D11	Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Anh			
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh			
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
3.	Ngôn ngữ Trung Quốc - Tiếng Trung thương mại - Tiếng Trung biên - phiên dịch Ngôn ngữ Trung Quốc - Liên kết quốc tế, Trường ĐH Dân tộc Quảng Tây cấp bằng	7220204	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15.0	18.0	600
			C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D11	Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Anh			
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh			
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Theo KQ Thi TN THPT	Theo KQ học bạ	Theo KQ ĐGNL ĐH QG TP. HCM
4.	Ngôn ngữ Nhật - Tiếng Nhật thương mại - Tiếng Nhật giảng dạy - Tiếng Nhật biên - phiên dịch	7220209	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15.0	18.0	600
			C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D11	Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Anh			
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh			
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
5.	Văn học - Văn - Quản trị văn phòng - Giảng dạy văn học - Văn - Truyền thông	7229030	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	15.0	18.0	600
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử			
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh			
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh			
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
6.	Kinh tế - Kinh doanh quốc tế - Kinh tế số	7310101	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử			
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý			
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý			
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh			
7.	Quan hệ quốc tế - Đối ngoại - Hợp tác quốc tế - Truyền thông quốc tế	7310206	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15.0	18.0	600
			C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D11	Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Anh			
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh			
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Theo KQ Thi TN THPT	Theo KQ học bạ	Theo KQ ĐGNL ĐH QG TP. HCM
8.	Xã hội học - Xã hội học truyền thông đại chúng - Xã hội học quản trị nhân sự và tổ chức xã hội	7310301	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	15.0	18.0	600
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử			
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh			
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh			
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh			
9.	Tâm lý học - Tham vấn và trị liệu tâm lý - Tham vấn tâm lý và quản trị nhân sự	7310401	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	15.0	18.0	600
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử			
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh			
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh			
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh			
10.	Đông phương học - Nhật Bản học - Hàn Quốc học	7310608	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15.0	18.0	600
			C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh			
			D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh			
			D90	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
11.	Trung Quốc học - Trung Quốc học	7310612	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15.0	18.0	600
			C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý			
			C07	Ngữ văn, Vật lý, Lịch sử			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D10	Toán, Địa lý, Tiếng Anh			
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Theo KQ Thi TN THPT	Theo KQ học bạ	Theo KQ ĐGNL ĐH QG TP. HCM
12.	Việt Nam học - <i>Việt Nam học</i>	7310630	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	15.0	18.0	600
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử			
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh			
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh			
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh			
13.	Truyền thông đa phương tiện - <i>Sản xuất phim và quảng cáo</i> - <i>Công nghệ truyền thông</i>	7320104	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	15.0	18.0	600
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử			
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh			
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh			
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh			
14.	Quan hệ công chúng - <i>Truyền thông và sáng tạo nội dung</i> - <i>Tổ chức sự kiện</i>	7320108	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	15.0	18.0	600
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử			
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh			
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh			
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh			
15.	Quản trị kinh doanh - <i>Quản trị kinh doanh tổng hợp</i> - <i>Quản trị dự án</i>	7340101	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử			
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý			
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý			
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh			

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Theo KQ Thi TN THPT	Theo KQ học bạ	Theo KQ ĐGNL ĐH QG TP. HCM
16.	Marketing - Marketing truyền thông - Quản trị Marketing - Digital Marketing	7340115	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử			
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý			
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý			
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh			
17.	Kinh doanh thương mại - Kinh doanh thương mại	7340121	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử			
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý			
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý			
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh			
18.	Thương mại điện tử - Thương mại điện tử	7340122	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử			
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý			
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý			
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh			
19.	Tài chính - Ngân hàng - Tài chính doanh nghiệp - Tài chính ngân hàng	7340201	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử			
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý			
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý			
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh			
20.	Công nghệ tài chính - Công nghệ tài chính	7340205	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử			
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý			
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý			
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh			

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Theo KQ Thi TN THPT	Theo KQ học bạ	Theo KQ ĐGNL ĐH QG TP. HCM
21.	Kế toán - <i>Kế toán</i>	7340301	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử			
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý			
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý			
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh			
22.	Kiểm toán - <i>Kiểm toán</i>	7340302	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử			
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý			
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý			
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh			
23.	Quản trị nhân lực - <i>Quản trị nhân lực</i>	7340404	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử			
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý			
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý			
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh			
24.	Luật - <i>Luật dân sự</i> - <i>Luật thương mại quốc tế</i> - <i>Luật tài chính ngân hàng</i>	7380101	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	20.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử			
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử			
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý			
			C07	Ngữ văn, Vật lý, Lịch sử			
			X17	Toán, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
25.	Luật Kinh tế - <i>Luật Kinh tế</i>	7380107	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	20.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử			
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử			
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý			
			C07	Ngữ văn, Vật lý, Lịch sử			
			X17	Toán, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Theo KQ Thi TN THPT	Theo KQ học bạ	Theo KQ ĐGNL ĐH QG TP. HCM
26.	Công nghệ sinh học - Công nghệ sinh học y sinh - Công nghệ sinh học nông nghiệp (vật nuôi, thủy sản, cây trồng)	7420201	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Vật lý, Sinh học			
			B00	Toán, Hóa học, Sinh học			
			B01	Toán, Sinh học, Lịch sử			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			X18	Toán, Lịch sử, Tin học			
			X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh			
27.	Khoa học máy tính - Khoa học dữ liệu - Hệ thống thông tin	7480101	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15.0	18.0	600
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử			
			C01	Toán, Ngữ văn, Vật lý			
			C02	Toán, Ngữ văn, Hóa học			
			C03	Toán, Ngữ văn, Lịch sử			
			C04	Toán, Ngữ văn, Địa lý			
			D15	Toán, Ngữ văn, Địa lý			
			X25	Toán, Tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
28.	Mạng máy tính và Truyền thông - Mạng máy tính và Truyền thông - An toàn thông tin	7480102	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15.0	18.0	600
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử			
			C01	Toán, Ngữ văn, Vật lý			
			C02	Toán, Ngữ văn, Hóa học			
			C03	Toán, Ngữ văn, Lịch sử			
			C04	Toán, Ngữ văn, Địa lý			
			D15	Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý			
			X25	Toán, Tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
29.	Công nghệ thông tin - Thiết kế đồ họa/game/Multimedia - Công nghệ phần mềm	7480201	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15.0	18.0	600
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử			
			C01	Toán, Ngữ văn, Vật lý			
			C02	Toán, Ngữ văn, Hóa học			
			C03	Toán, Ngữ văn, Lịch sử			
			C04	Toán, Ngữ văn, Địa lý			
			D15	Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý			
			X25	Toán, Tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
30.	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử			
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý			
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý			
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh			

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Theo KQ Thi TN THPT	Theo KQ học bạ	Theo KQ ĐGNL ĐH QG TP. HCM
31.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông - Kỹ thuật Điện tử - viễn thông - Hệ thống nhúng và IoT - Thiết kế vi mạch	7520207	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Vật lý, Sinh học			
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý			
			B02	Toán, Sinh học, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			X18	Toán, Lịch sử, Tin học			
			X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh			
32.	Kỹ thuật môi trường - Kỹ thuật môi trường	7520320	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Vật lý, Sinh học			
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý			
			B02	Toán, Sinh học, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			X18	Toán, Lịch sử, Tin học			
			X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh			
33.	Công nghệ thực phẩm - Công nghệ thực phẩm - Công nghệ chế biến thực phẩm	7540101	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Vật lý, Sinh học			
			B00	Toán, Hóa học, Sinh học			
			B01	Toán, Sinh học, Lịch sử			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			X18	Toán, Lịch sử, Tin học			
			X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh			
34.	Kỹ thuật xây dựng - Kỹ thuật xây dựng	7580201	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15.0	18.0	600
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Vật lý, Sinh học			
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý			
			B02	Toán, Sinh học, Địa lý			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			X18	Toán, Lịch sử, Tin học			
			X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh			
35.	Điều dưỡng - Điều dưỡng	7720301	B01	Toán, Sinh học, Lịch sử	18.0	19.0	-
			B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn			
			C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý			
			C02	Toán, Ngữ văn, Hóa học			
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh			
			X13	Toán, Sinh học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X66	Ngữ văn, Sinh học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Theo KQ Thi TN THPT	Theo KQ học bạ	Theo KQ ĐGNL ĐH QG TP. HCM
36.	Du lịch - <i>Quản trị du lịch</i> - <i>Quản trị sự kiện</i>	7810101	C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	15.0	18.0	600
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử			
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh			
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh			
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh			
37.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - <i>Quản trị lữ hành</i> - <i>Hướng dẫn du lịch</i>	7810103	C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	15.0	18.0	600
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử			
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh			
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh			
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh			
38.	Quản trị khách sạn - <i>Quản trị khách sạn - Khu du lịch</i>	7810201	C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	15.0	18.0	600
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử			
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh			
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh			
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh			
39.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - <i>Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống</i>	7810202	C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	15.0	18.0	600
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử			
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh			
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh			
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Theo KQ Thi TN THPT	Theo KQ học bạ	Theo KQ ĐGNL ĐH QG TP. HCM
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh			
40.	Thanh nhạc - Thanh nhạc thính phòng - Thanh nhạc nhạc nhẹ	7210205	N00	Ngữ văn	17.0	17.0	-
				Thi tuyển môn cơ sở ngành			
				Thi tuyển môn chuyên ngành			
41.	Piano - Piano cổ điển - Piano ứng dụng - Sản xuất âm nhạc - Giảng dạy âm nhạc	7210208	N00	Ngữ văn	17.0	17.0	-
				Thi tuyển môn cơ sở ngành			
				Thi tuyển môn chuyên ngành			
42.	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình - Đạo diễn điện ảnh, truyền hình - Quay phim	7210235	C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	15.0	18.0	600
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh			
			M20	Ngữ văn, Vật lý	17.0	17.0	-
				Năng khiếu Ảnh báo chí			
			M21	Ngữ văn, Lịch sử			
				Năng khiếu Ảnh báo chí			
43.	Công nghệ điện ảnh, truyền hình - Sản xuất phim điện ảnh - truyền hình - Dựng phim - Thiết kế mỹ thuật điện ảnh, sân khấu - Công nghệ hoạt hình	7210302	C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	15.0	18.0	600
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh			
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật			
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh			
			H01	Toán, Ngữ văn	17.0	17.0	-
				Năng khiếu vẽ			
			V00	Toán, Vật lý			
				Năng khiếu vẽ			

1. Theo kết quả thi tốt nghiệp THPT

Điểm xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026 áp dụng cho thí sinh thuộc khu vực 3, không hưởng ưu tiên theo đối tượng, chưa bao gồm điểm cộng.

2. Theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

- Thí sinh cần đạt tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT 2026 theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt từ 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026.

- **Ngành Luật, Luật Kinh tế:** Kết quả trung bình chung học tập cả năm lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên; hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,50 trở lên; hoặc tổ hợp môn xét tuyển học bạ đạt từ 18,0 điểm. Đồng thời môn Toán, môn Văn đạt từ 6,0đ.

- **Ngành Điều dưỡng:** Kết quả trung bình chung học tập cả năm lớp 12 xếp loại từ khá trở lên và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,50 trở lên; hoặc tổ hợp môn xét tuyển học bạ đạt từ 19,00 điểm.

- **Ngành Thanh nhạc và ngành Piano:** Điểm trung bình chung cả năm lớp 10, 11, 12 của môn Văn của đạt từ 5.00đ và tham dự kỳ thi riêng do Trường tổ chức gồm môn cơ sở và chuyên ngành.

- **Ngành Đạo diễn điện ảnh, truyền hình và Công nghệ điện ảnh, truyền hình:** Có tổ hợp là M20, M21, V00, H01: Điểm trung bình chung cả năm lớp 10, 11, 12 của 02 môn đạt từ 12 điểm và tham dự kỳ thi năng khiếu do Trường tổ chức.

- Đối với các tổ hợp môn xét tuyển có môn ngoại ngữ (Anh, Hàn, Nhật, Pháp, Đức, Nga, Trung), thí sinh có thể dùng chứng chỉ ngoại ngữ để xét tuyển thay thế môn Ngoại ngữ đó.

3. Theo kết quả xét tuyển kết hợp thi tuyển

- Xét tuyển kết hợp kết quả học tập THPT (học bạ) và kết quả thi tuyển môn năng khiếu.

- Xét tuyển kết hợp kết quả thi Tốt nghiệp THPT 2026 và kết quả thi tuyển môn năng khiếu.

4. Theo kết quả thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Tp. HCM

Xét từ 600 điểm cho tất các ngành (trừ Điều dưỡng, Piano, Thanh nhạc).

Thí sinh tra cứu thông tin trúng tuyển tại <https://tuyensinh.vhu.edu.vn/tra-cuu-trung-tuyen>

Thông tin chi tiết khác xem tại website <http://tuyensinh.vhu.edu.vn/> hoặc liên hệ tổng đài tư vấn tuyển sinh miễn phí: 1800 1568. Email: tuyensinh@vhu.edu.vn.

Nơi nhận:

- TT. HĐT (để b/c);
- Các đơn vị trong Trường (để t/h);
- Đăng tải website;
- Lưu: VT, TT. TVTS.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

Đã ký

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC
PGS.TS. Trần Huy Hoàng**